Người ký: Sở Y tế
Email: syt@dongnai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 04.02.2020 10:11:20 +07:00

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

Số: 381 /BC-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 04 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO
CÔNG TÁC AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH LAO ĐỘNG, CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN VIÊN Y TẾ

Căn cứ Quyết định số 3079/2008/QĐ-BYT ngày 21/8/20008 của Bộ Y tế về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của hệ thống làm công tác bảo hộ lao động trong các cơ sở y tế; Sở Y tế Đồng Nai báo cáo công tác An toàn vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe nhân viên y tế năm 2019 như sau:

I. Số liệu thống kê

Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu 2018	Số liệu năm 2019
I/ Công tác tổ chức:			
1. Quyết định thành lập Hội đồng BHLĐ	Có/không	4.000	5.000
2. Quyết định thành lập mạng lưới ATVSV	Có/không	4.000	5.000
3. Y tế cơ quan	Có/không	4.000	5.000
II/ Tình hình chung			
1. Tổng số lao động	Người	1,238.000	1,608.000
Trong đó: + Lao động nữ	Người	823.000	1,048.000
+ Lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (điều kiện lao động loại IV, V, VI)	Người	293.000	315.000
2. Tai nạn lao động (kể cả phơi nhiễm nghề nghiệp)			
- Tổng số vụ:	Vụ	-	-
- Tổng số người bị TNLĐ	Người	-	-
Trong đó: - Số người chết	Người	-	-
- Số người bị tai nạn do vật sắc nhọn	Người	-	-
- Số người bị máu, dịch tiết bệnh nhân bắn vào da, niêm mạc	Người	-	-

Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu 2018	Số liệu năm 2019
- Khác (ghi rõ)	Người	-	-
- Tổng chi phí TNLĐ	Đồng	-	-
3. Bệnh nghề nghiệp		-	-
- Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn tại thời điểm báo cáo	Người	-	-
Trong đó, số người mắc mới BNN	Người	-	-
III/ Hoạt động ATVSLĐ, BHLĐ, phòng chống BNN			
1. Xây dựng Kế hoạch bảo hộ lao động	Có/không	3.000	5.000
2. Chi phí thực hiện kế hoạch an toàn – vệ sinh lao động			
- Các biện pháp kỹ thuật an toàn	Đồng	-	1,032.970
- Các biện pháp kỹ thuật vệ sinh	Đồng	-	450,496.031
- Trang bị PTBVCN	Đồng	465.000	1,101,477.106
- Chăm sóc sức khỏe người lao động	Đồng	36.400	509,183.375
- Tuyên truyền, huấn luyện	Đồng	8.300	450,011.930
3. Tổng số người lao động được khám sức khỏe định kỳ/TS người lao động	Người	555.000	1,266.450
Số người lao động cần được khám SKĐK 2 lần/năm	Người	1.000	144.000
Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động			
+ Loại I	Người	207.000	496.000
+ Loại II	Người	131.000	457.000
+ Loại III	Người	50.000	158.000
+ Loại IV	Người	1.000	4.000
+ Loại V	Người	1.000	3.000
4. Lập Hồ sơ sức khỏe người lao động			
- Hồ sơ khám sức khỏe tuyển dụng	Có/không	4.000	5.000
- Hồ sơ khám sức khỏe định kỳ	Có/không	4.000	294.000
- Hồ sơ quản lý sức khỏe và bệnh tật người lao động	Có/không	4.000	4.000

Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu 2018	Số liệu năm 2019
- Hồ sơ cấp cứu tai nạn lao động	Có/không	2.000	3.000
- Hồ sơ quản lý bệnh nghề nghiệp	Có/không	1.000	2.000
5. Huấn luyện về an toàn – vệ sinh lao động (Theo TT 27/2013/TT-BLĐTBXH)			
- Hồ sơ huấn luyện ATVSLĐ	Có/không	2.000	4.000
- Tài liệu huấn luyện ATVSLĐ đơn vị đã biên soạn	Có/không	3.000	4.000
- Tổng số cán bộ ATVSLĐ được huấn luyện/ Tổng số cán bộ hiện có	Người/Người	64.000	69.000
- Tổng số ATVSV được huấn luyện/ Tổng số ATVSV hiện có	Người/Người	45.000	-
- Số NLĐ được cấp thẻ an toàn / Tổng số người làm nghề, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ	Người/Người	22.000	22.000
- Tổng số lao động được huấn luyện	Người	64.000	69.000
- Tổng chi phí huấn luyện	Đồng	0.800	8.400
6. Lập hồ sơ vệ sinh lao động	Có/không	1.000	3.000
7. Tình hình quan trắc MTLĐ	Có/không		
- Số mẫu đo môi trường lao động	Mẫu	331.000	506.000
- Số mẫu không đạt tiêu chuẩn	Mẫu	62.000	26.000
8. Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ:	Cái		
+ Nồi hấp áp lực	Cái	7.000	10.000
+ Nồi hơi	Cái	3.000	6.000
+ Bình khí nén (không tính chai oxy)	Cái	65.000	182.000
+ Thang máy	Cái	5.000	10.000
+ Máy Xquang	Cái	7.000	13.000
+ Khác (ghi rõ):		0.000	0.000
- Số đã được đăng ký	Cái	76.000	81.000
- Số đã được kiểm định định kỳ	Cái	138.000	149.000
- Máy, thiết bị được khai báo với cơ quan quản lý lao động (Sở lao động – Thương binh và xã hội)	Có/không	2.000	2.000
9. Trung tâm oxy/ Kho oxy			

Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu 2018	Số liệu năm 2019
- Đảm bảo an toàn	Có/không	2.000	4.000
10. Thực hiện chế độ chính sách:			
Bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật		1.000	3.000
- Tổng số người	Người	26.000	325.000
- Tổng chi phí	Đồng	28.000	814.000
Trang bị phương tiện phòng hộ cá nhân	Có/không	2.000	4.000
Điều dưỡng phục hồi chức năng cho NLĐ có sức khỏe loại IV,V.	Có/không	-	-
11. Xử lý chất thải			
- Hệ thống xử lý chất thải rắn	Có/không	3.000	4.000
+ Vi sóng		-	-
+ Lò đốt		1.000	1.000
+ Khác (ghi rõ)		-	-
- Hệ thống xử lý chất thải lỏng	Có không	3.000	4.000
- Hệ thống xử lý chất thải hoạt động tốt	Có/không	3.000	4.000
- Kho bảo quản chất thải y tế nguy hại	Có/không	2.000	4.000
12. Công tác tự kiểm tra về ATVSLĐ, phòng chống BNN, BHLĐ (Biên bản tự kiểm tra Sổ tự kiểm tra)	Có/không	2.000	3.000
IV/ Các nội dung khác:			
1. Công tác Phòng cháy chữa cháy:			
- Lập phương án PCCC của đơn vị		4.000	5.000
- Thành lập Đội PCCC.		4.000	5.000
- Huấn luyện PCCC		4.000	5.000
- Phương tiện PCCC		4.000	5.000
2. Thực hiện Phong trào thi đua "Xanh-Sạch - Đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động":			
- Có kế hoạch		4.000	5.000
- Có phát động		4.000	4.000
- Có sơ kết, đánh giá		3.000	4.000

II. Đề xuất kiến nghị của đơn vị

Sở Y tế yêu cầu các đơn vị trực thuộc Sở Y tế thực hiện và báo cáo công tác An toàn, vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe nhân viên y tế theo Quyết định 3079/2008/QĐ-BYT ngày 21/8/2008 của Bộ Y tế./.

Nơi nhận:
- Cục QLMT-BYT (báo cáo);
- BGĐ Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Website SYT;
- Lưu: VT, NV.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐỒNG NAI

Phan Huy Anh Vũ

Phụ lục 1: Danh sách các đơn vị gửi báo cáo

(Đính kèm báo cáo số 35 /BC-SYT ngày 04 tháng 02 năm 2020)

1. Trung tâm y tế huyện Thống Nhất.
2. Trung tâm y tế huyện Vĩnh Cửu.
3. Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc.
4. Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ.
5. Trung tâm y tế Tp Long Khánh.

Phục lục 2: Danh sách các đơn vị không thực hiện báo cáo

(Đính kèm báo cáo số 351 /BC-SYT ngày 04 tháng 02 năm 2020)

1. Bệnh viện đa khoa Đồng Nai
2. Bệnh viện Nhi
3. TTYT TP Biên Hòa
4. Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất
5. Bệnh viện Phổi
6. Bệnh viện Da liễu
7. TTYT Thống Nhất
8. Bệnh viện ĐKKV Định Quán
9. Bệnh viện ĐKKV Long Khánh
10. Chi cục Dân số - KHHGĐ
11. Chi cục An toàn VSTP
12. Trung tâm Y tế TP Biên Hòa
13. Trung tâm Y tế huyện Tân Phú
14. Trung tâm Y tế Định Quán
15. Trung tâm Y tế Trảng Bom
16. Trung tâm Y tế Long Thành
17. Trung tâm y tế Nhơn Trạch
18. Bệnh viện đa khoa khu vực Long Thành
19. Bệnh viện y dược Cổ Truyền
20. Trung tâm Giám định y khoa
21. Trung tâm Giám định pháp y